TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN R
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2021/ HNGĐ - ST
Ngày 26 - 7-2021
Về việc "Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN R, TỈNH QUẢNG NGÃI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà : Bà Lê Thị Diếu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Khánh.
2. Bà Nguyễn Thị Kiều Hoanh.

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Tiến Dũng - Thư ký Toà án nhân dân huyện R, tỉnh Quảng Ngãi.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện R, tỉnh Quảng Ngãi *tham gia phiên tòa*: Bà Võ Thị Thanh Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2021, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện R, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/ 2021/TLST- HNGĐ ngày 11/3/2021 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2021/QĐXXST - HNGĐ, ngày 21/6/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2021/QĐST-HNGĐ ngày 09/7/2021 của Toà án nhân dân huyện R, giữa các đương sự*:*

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Thu T, sinh năm: 1999.

Địa chỉ: Thôn Q, xã E, huyện R, tỉnh Quảng Ngãi.

Bị đơn: Anh Nguyễn Tấn Đ - sinh năm 1996

Địa chỉ: Thôn S, xã G, huyện R, tỉnh Quảng Ngãi.

Chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh Đ vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Bùi Thị Thu T trình bày:

Chị T và anh Nguyễn Tấn Đ tự nguyện tìm hiểu rồi đến với nhau. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện R, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 03/01/2018. Quá trình chung sống giữa chị và anh Đ không hạnh phúc vì tuổi trẻ bồng bột trước hôn nhân không tìm hiểu kỹ. Anh Đ bạo lực với chị T nhiều lần nhưng vì con nhỏ nên chị T cố gắng chịu đựng sống chung và khuyên can anh Đ nhưng anh Đ không thay đổi. Từ tháng 9/2020 đến nay chị T và anh Đ đã sống ly

thân, chị T về nhà mẹ đẻ ở E để nương nhờ, còn anh Đ và con trai sống ở G. Chị và anh Đ không còn tình cảm, không còn quan tâm nhau, cuộc sống chung không thể kéo dài nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn với anh Nguyễn Tấn Đ.

Về con chung: Chị và anh Đ có một con chung tên: Nguyễn Gia H, sinh ngày 24/10/2015. Hiện nay con đang ở với anh Đ. Khi ly hôn hôn chị T đồng ý để anh Đ trực tiếp nuôi con. Chị T không cấp dưỡng nuôi con vì hiện nay chị T không có nghề nghiệp. Anh Đ có nghề nghiệp là thợ cửa sắt.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện R đã nhiều lần tống đạt văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ đối với bị đơn là anh Nguyễn Tấn Đ nhưng anh Nguyễn Tấn Đ vắng mặt không có lý do, nên không có lời khai và không hòa giải về nội dung tranh chấp trong vụ án được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện R, tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tuyên xử: Giải quyết cho chị Bùi Thị Thu T ly hôn anh Nguyễn Tấn Đ; Giao cháu Nguyễn Gia H, sinh ngày 24/10/2015 cho anh Nguyễn Tấn Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; chị Bùi Thị Thu T chưa phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung: trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Chị Bùi Thị Thu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Bùi Thị Thu T khởi kiện yêu cầu được ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn đối với anh Nguyễn Tấn Đ, anh Đ có nơi cư trú ở xã G, huyện R, tỉnh Quảng Ngãi, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện R, tỉnh Quảng Ngãi theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Chị Bùi Thị Thu T và anh Nguyễn Tấn Đ đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện R, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 03/01/2018, nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị Bùi Thị Thu T có yêu cầu ly hôn nên Toà án nhân dân huyện R, tỉnh Quảng Ngãi đã thụ lý là đúng quy định tại khoản 1 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3] Ngày 11/3/2021 Tòa án nhân dân huyện R thụ lý vụ án. Tòa án nhân dân huyện R tiến hành tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án cho anh Nguyễn Tấn Đ nhưng anh Đ không có mặt ở nhà, người nhà từ chối nhận thay Thông báo về việc thụ lý vụ án và không nêu lý do, vì vậy Tòa án nhân dân huyện R đã cùng với đại diện chính quyền địa phương xã G lập biên bản và tiến hành niêm yết Thông báo về việc thụ lý vụ án cùng với Giấy triệu tập để anh Đ đến Tòa làm việc liên quan đến nội dung chị T trình bày và yêu cầu Tòa giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt (niêm yết) các văn bản tố tụng liên quan đến vụ án nhưng anh Đ không đến Tòa để làm việc, không có ý kiến trình bày gởi cho Tòa án.

Tại phiên tòa ngày 09/7/2021, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng bị đơn là anh Nguyễn Tấn Đ vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa ngày 26/7/2021, bị đơn anh Nguyễn Tấn Đ vắng mặt, chị T văng mặt và có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[4] Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị Bùi Thị Thu T và anh Nguyễn Tấn Đ đã xảy ra mâu thuẫn do tính cách không hợp nhau nên cuộc sống không hạnh phúc. Qua xác minh, Hội liên hiệp phụ nữ xã G cung cấp thông tin thì hiện nay anh Đ và chị T không còn chung sống với nhau.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị T cương quyết ly hôn. Anh Đ không có văn bản trả lời cho Tòa án cũng như không có thái độ hợp tác hòa giải để đoàn tụ.

Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh Đ đã trầm trọng, không quan tâm, chăm sóc đến nhau, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên việc chị Bùi Thị Thu T yêu cầu giải quyết ly hôn là có căn cứ. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận giải quyết cho chị Bùi Thị Thu T được ly hôn với anh Nguyễn Tấn Đ là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về con chung: Chị Bùi Thị Thu T và anh Nguyễn Tấn Đ có một người con chung là Nguyễn Gia H, sinh ngày 24/10/2015.

Qua lời trình bày của chị Bùi Thị Thu T thì hiện nay cháu Nguyễn Gia H đang ở với anh Đ tại thôn S, xã G, huyện R, tỉnh Quảng Ngãi. Khi ly hôn chị T đồng ý để anh Đ trực tiếp nuôi con, chị T không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy vì điều kiện thực tế hiện nay thì việc giao con chung cho anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sẽ đảm bảo tốt hơn cho cháu H nên cần tiếp tục giao cháu H cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Bùi Thị Thu T trình bày về tài sản chung và về nợ chung không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện R về việc giải quyết về vấn đề hôn nhân, nuôi con, tài sản chung, nợ chung giữa chị Bùi Thị Thu T và

anh Nguyễn Tấn Đ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Bùi Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 227; Điều 260, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Thu T.

1.Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Thu T được ly hôn anh Nguyễn Tấn Đ.

2.Về con chung:

Giao con chung tên Nguyên Gia H, sinh ngày 24/10/2015 cho anh Nguyễn Tấn Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Chị T không cấp dưỡng nuôi con. Chị T được quyền đến thăm, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản theo quy định của pháp luật.

Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 84, Điều 116 của Luật HNGĐ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Bùi Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng án phí về ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng mà chị đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số AA/2016/0004718 ngày 10/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện R, tỉnh Quảng Ngãi, chị T đã nộp đủ án phí.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện R;
- Chi cục THADS huyện R;
- UBND xã G;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

Lê Thị Diếu